

Phần II
Lĩnh vực lâm nghiệp

1. Mô hình trồng rừng Bạch đàn thâm canh

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình hướng dẫn kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Giống được công nhận	
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

2. Mô hình trồng cây Dầu con rái

a Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	550	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp TCCS	
2	Giống trồng dặm	cây	55		
3	Phân bón NPK (0.2kg/cây)				
	+ Trồng mới	Kg	110		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	110		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	110		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

3. Mô hình trồng cây Gáo

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	625	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	62		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	125		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	125		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	125		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		1-2 ngày/HN

4. Mô hình trồng cây Keo lai

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

5. Mô hình trồng cây Keo lá tràm

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		
4	Thuốc mối (DM)	Cây	33.2	TCCS	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

6. Mô hình trồng cây Keo tai tượng

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

7. Mô hình trồng cây Sao đen

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Giống trồng dặm	cây	50		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	100		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	100		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

8. Mô hình trồng cây Sra

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc $\leq 15^0$

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

9. Mô hình trồng cây Téch

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp TCCS	
2	Giống trồng dặm	cây	160		
3	Phân bón NPK (5:10:3)				
	+ Trồng mới	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	498		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	498		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

10. Mô hình trồng cây Tràm lá dài

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	10000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	1000		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			Phân không chảy nước, vón cục, còn hạn sử dụng theo quy định.	
	+ Trồng mới	Kg	2000		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	2000		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	2000		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

11. Mô hình trồng cây Dó Trầm
a) Định mức lao động

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 5-10 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
		tính			
1	Cây giống	Cây	1.660	Cây không sâu bệnh	
	Cây giống trồng dặm	Cây	166		
2	Phân bón NPK			TCCS	
	+ Năm 1	Kg	498		
	+ Năm 2	Kg	498		
	+ Năm 3	Kg	498		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

12. Mô hình trồng cây Đàn hương

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 5-10 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	Cây	500	Cây sinh trưởng phát triển tốt	
	Giống trồng dặm	cây	50		
2	Phân bón:			TCCS	
	Trồng mới:				
	+ Phân NPK	kg	100		
	+ Phân vi sinh	kg	1000		
	Chăm sóc năm 2				
	+ Phân NPK	kg	100		
	+ Phân vi sinh	kg	1000		
	Chăm sóc năm 3				
	+ Phân NPK	kg	100		
	+ Phân vi sinh	kg	1000		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

13. Mô hình trồng cây Tre điền trúc

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 5-10 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	500	Tuân thủ các qui định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp,	
	Cây giống trồng dặm	Cây	50		
2	Phân bón NPK (0.3kg/cây)			TCCS	
	+ Năm 1	Kg	150		
	+ Năm 2	Kg	150		
	+ Năm 3	Kg	150		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			Theo quy trình kỹ thuật	Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

14. Mô hình trồng cây Xà cừ

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc ≤ 15 ⁰

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1100	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	110		
3	Phân bón NPK (5:10:3)				
	+ Trồng mới	Kg	330		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	330	TCCS	
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	330		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần			
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

15. Mô hình trồng cây Trắc

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 10-15 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	độ dốc $\leq 15^0$

c) Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống trồng mới	cây	1660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp	
2	Giống trồng dặm	cây	166		
3	Phân bón NPK (5:10:3)			TCCS	
	+ Trồng mới	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 2	Kg	332		
	+ Chăm sóc năm 3	Kg	332		

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình	
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị			1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị			1-2 ngày/HN

Phần III
Lĩnh vực chăn nuôi

1. Chăn nuôi gà thương phẩm

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 3.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	1		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	1		
4	Máy phát điện	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	6	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc -xin	Liều/con	7	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) Đậu, (1) cúm GC	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

2. Chăn nuôi gà sinh sản**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị**1). Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại chăn nuôi)**

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Lồng tầng	Con/ m ²	8-12		
2	Sàn nhựa	Con/ m ²	6-8		
3	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
4	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	1		
5	Hệ thống máng uống	Hệ thống	1		
6	Hệ thống thu trứng	Hệ thống	1		
7	Hệ thống tải phân	Hệ thống	1		
8	Máy phát điện	Chiếc	1		

2). Thiết bị, vật tư ấp trứng gà (Áp dụng cho quy mô ≥ 1000 gà mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	1	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	1		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	1		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	12,3	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc -xin	Liều/con	14	(3) Gum, (1) Đậu, (2) IB, (4) New, (2) ILT, (2) Cúm GC	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi gà sinh sản					
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
-	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
-	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/ MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		
Mô hình ấp trứng gà					
1	Tập huấn kỹ thuật				
-	Số lần	Lần	1		
-	Thời gian	Ngày	7-14		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

3. Chăn nuôi vịt thương phẩm**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 3.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	1		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	1		
4	Máy phát điện	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	9,4	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc –xin	Liều/con	4	(2) Dịch tả; (1) Viêm gan (1) cúm GC	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

4. Chăn nuôi vịt sinh sản

a) Định mức lao động

T T	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị

1. Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Sàn nhựa	Con/ m ²	3,5 - 4,0		
2	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
3	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	1		
4	Hệ thống máng uống	Hệ thống	1		
5	Máy phát điện	Chiếc	1		

2. Thiết bị, vật tư ấp trứng vịt (Áp dụng cho quy mô ≥ 1000 vịt mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	1	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	1		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	1		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	30	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc -xin	Liều/con	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm GC, (2) Tụ huyết trùng	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi ngan, vịt sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		
Mô hình ấp trứng					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	7-14		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

5. Chăn nuôi chim bồ câu**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 1.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng bồ câu	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	1	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	1		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	1		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	10,8	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc -xin	Liều/con	1	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	2	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,03	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi bò câu sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		
Mô hình ấp trứng bò câu					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	7-14		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

6. Chăn nuôi chim cút sinh sản**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 4.000 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (Áp dụng cho quy mô ≥ 4.000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ấp trứng chim cút	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy nở	Chiếc	1	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	1		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	1		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Chim cút 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	0,7	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc -xin	Liều/con	4	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	1	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,01	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi chim cú sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2		
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		
Mô hình ấp trứng chim cú					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1		
	Thời gian	Ngày	7-14		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

7. Chăn nuôi heo thương phẩm

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 110 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	1		
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	1		
4	Máy phát điện	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
1.1	Giống heo ngoại	Kg/con	10		
1.2	Giống heo nội	Kg/con	7		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh		225	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin:	Liều/con	6	(1) Dịch tả, (1) LMLM, (1) Tai Xanh, (1) Tụ Huyết trùng, (1) Phó Thương hàn, (1) Đóng Dấu heo	
4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	2		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0, 1	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

8. Chăn nuôi heo sinh sản**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 110 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Thiết bị làm mát chuồng	Bộ	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Chuồng nuôi heo nái chữa	Lồng/con	1		
3	Chuồng nuôi heo nái nuôi con	Lồng/con	1		
4	Sàn nuôi heo con sau cai sữa	m ² /con	0,6		
5	Hệ thống máng ăn tự động	Bộ	2		
6	Hệ thống máng uống tự động	Bộ	2		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	
1.1	Giống hậu bị (giống ngoại)	Kg/con	100		
1.2	Giống hậu bị (giống nội)	Kg/con	22		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh				
2.1	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống Ngoại	Kg/con	534	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
2.2	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống nội	Kg/con	482		
3	Vắc xin	Liều	12	(2) Dịch tả, (2) LMLM, (2) Tai Xanh, (2) Tụ Huyết trùng, (2) Phó Thương hàn, (2) Đóng Dấu lợn	

4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	2		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,2	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

9. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi heo

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 2 hệ thống

b) Định mức Vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải	Con/m ³	10	Áp dụng hệ thống cho chăn nuôi lợn với quy mô từ 50 - 1500 con. Vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn về xây dựng	
2	Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải	Lít /kg/m ³	1	Được phép sản xuất và lưu hành tại Việt Nam	
3	Phân tích mẫu	Mẫu/bể	2	Thực hiện theo quy định hiện hành về phân tích đánh giá nước thải trước và sau xử lý	

c) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	Vận dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

10. Vỗ béo trâu, bò**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50-70 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1		

c). Định mức giống, thiết bị, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23/09/2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt	
2	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều/con	1		
3	Thuốc tẩy nội KST	Liều/con	1		
4	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	270	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
5	Vỗ béo trâu, bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học				
	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg/con	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trâu....	
	Chế phẩm vi sinh	Kg/con	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

11. Chăn nuôi trâu, bò sinh sản**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 10-20 cái, 2-5 con đực

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Định mức tối đa	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Bò cái giống	Kg/con	220		
	Trâu cái giống	Kg/con	350		
2	TAHH cho bò cái chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	TAHH cho trâu cái chữa	Kg/con	660		
4	Tăng đá liềm	Kg/con	3		

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

12. Cải tạo đàn trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50-70 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	1	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Tinh đông lạnh	Liều/con	2		
3	Ni tơ lỏng	Lít/con	2		
4	Găng tay, ống gen	Bộ/con	2		
5	TAHH cho bò cái có chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
6	TAHH cho trâu cái có chữa	Kg/con	660		
7	Tăng đá liếm	Kg/con	3		
8	Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít	Cái/ huyện	2		
9	Súng bắn tinh	Cái/ huyện	6		

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

13. Chăn nuôi bò sữa

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50 con

b) Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trang trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm thái cỏ	Chiếc	1	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Tinh đông lạnh	Liều/con	4		
3	TAHH cho bò cái chữa	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
4	Tăng đá liếm	Kg/con	3		
5	Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ)				
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối ăn	Kg/tấn	5		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ				
	Bạt lót bể ủ/hố ủ	m ² /tấn	8		
	Ủ bằng túi ủ				
	Túi nylon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn	2		

d) Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

14. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 20-50 tấn/ 6-10 ha

B. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Mô hình trồng thâm canh cỏ				
*	Giống cỏ				
-	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
-	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12		
*	Thiết bị vật tư				
-	Phân đạm nguyên chất (N)			Phân đạm nguyên chất (N)	
-	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg/ha	250		
-	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
-	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg/ha	80	Phân lân nguyên chất (P_2O_5)	
-	Phân kali nguyên chất (K_2O)	Kg/ha	100	Phân kali nguyên chất (K_2O)	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500	Phân hữu cơ vi sinh	
2	Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon				
-	Rơm lúa	Tấn	1	Rơm khô	
-	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	2		
-	Urea	Kg/tấn	40		
-	Rỉ mật	Kg/tấn	20		
-	Muối	Kg/tấn	5		

3	Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nylon				
-	Thân bắp (ngô)	Tấn	1	Thân ngô	
-	Túi nylon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	2		
-	Men vi sinh	Kg/tấn	1		
-	Rỉ mật	Kg/tấn	50		
-	Muối	Kg/tấn	5		
4	Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua				
-	Cỏ tươi	Tấn	1	Cỏ tươi	
-	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
-	Muối	Kg/tấn	5		
-	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)				
-	Bạt lót bể ủ/hố ủ	m ² /tấn cỏ tươi	8		
-	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)				
-	Túi nylon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	2		

c). Định mức triển khai

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

15. Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm - Mã sản phẩm: CN2217

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 50 con

b). Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg/Con	15	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu	Kg/con	45	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc-xin	Liều/con	4	(1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) LMLM, (1) Đậu	

c). Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	1		

16. Chăn nuôi dê, cừu sinh sản**a) Định mức lao động**

T T	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Cơ sở/hộ chăn nuôi đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 40-60 con

b). Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Định mức tối đa	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống ngoại	Kg/Con	23-27	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Dê cái giống nội	Kg/Con	13 - 17		
3	Dê cái lai	Kg/Con	18 - 22		
4	Cừu cái	Kg/Con	16 - 20		
5	Dê, cừu đực giống ngoại	Kg/Con	30 - 34		
6	Dê, cừu đực giống lai	Kg/Con	28 - 32		
7	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu đực giống	Kg/Con	115	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
9	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái từ hậu bị đến đẻ	Kg/con	115		
12	Vắc-xin	Liều/con	8	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu	
13	Tăng đá liếm	Kg/con	2		

c). Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

17. Chăn nuôi dê sữa thương phẩm**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 100 con

b). Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống	Kg/Con	18-22	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Dê đực giống	Kg/Con	35-40		
3	Thức ăn hỗn hợp cho dê	Kg/Con	36	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
	đực				
4	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu	Kg/Con	120		
5	Vắc-xin	Liều/con	8	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm ruột hoại tử, (2) LMLM, (2) Đậu	
6	Bình đựng sữa thể tích 25 lít	Bình/hộ	1	Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa	
7	Tàng đá liềm	Kg/con	3		

c). Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

18. Nuôi ong ngoại

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 100 đàn

b) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/điểm/cơ sở	100	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thùng kẻ	Thùng/ điểm/cơ sở	100	Áp dụng đối với mô hình có thùng kẻ	
3	Đường	Kg/đàn	30		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,3		
5	Tăng chân	Cái/đàn	10		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	1		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	1		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	1		

c). Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	1		

19. Nuôi ong nội

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 100 đàn

b). Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/ điểm/ cơ sở	50	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thùng kế	Thùng/điểm/cơ sở	50	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
3	Đường	Kg/đàn	18		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,2		
5	Tăng chân	Cái/đàn	4		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	1		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	1		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	1		

c). Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	1		

20. Chăn nuôi thủy sản thương phẩm

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 1.000 con

b) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/Con	0,5	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hồ thức ăn trong 90 ngày	Kg	13,5	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	1	(1) Bại huyết	

c) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	1		

21. Chăn nuôi thủy sản**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	Quy mô 500 con

b) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/Con	2,5-3	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày	Kg	27	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	2	(2) Bại huyết	

c) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

Phần IV

Lĩnh vực thủy sản

1. Nuôi cá chim vây vàng trong ao (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đ. vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	3	Cá giống cỡ ≥8 cm/con; cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤1.5	TACN hàm lượng protein ≥ 35 %; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 Tháng.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

2. Nuôi cá trắm đen trong ao/hồ (Áp dụng cho quy mô 1 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1	Quy cỡ giống cá: 200-500 gr/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

3. Nuôi cá lóc bông trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10	Quy cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 4.0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

4. Nuôi cá bống kèo (cá kèo) trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	100	Quy cỡ giống ≥ 3 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.2	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 18\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

5. Nuôi cá bống tượng trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2	Quy cỡ giống ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 9.0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

6. Nuôi cá bông tượng trong bể (Quy mô: Áp dụng cho 500 m³)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2'	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	1-2		

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	30	Quy cỡ giống ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 9.0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

7. Nuôi cá thát lát trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	3-4		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	9	Quy cỡ giống ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 3.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 20%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

8. Nuôi cá sặc rằn trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	20	Quy cỡ giống ≥ 5,5 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 4.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

9. Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	50	Quy cỡ giống ≥ 5,1 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 25%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	

4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
---	---	--	--

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

10. Nuôi ba ba trong ao/bể (Quy mô: Áp dụng cho 500 m³)

a) Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	1-2		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu sản phẩm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2	Quy cỡ giống ≥ 100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 10	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

11. Nuôi ếch trong bể (Quy mô: Áp dụng cho 500 m³)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, vợt...	Bộ	1-2		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	80	Quy cỡ giống ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	2-Jan	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

12. Nuôi cá rô phi/điều hồng thâm canh trong ao hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	1-2		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/ Điều hồng	Con/m ²	5-7	- Cỡ giống: ≥ 7 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.3	- Hàm lượng Protein $\geq 28\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

13. Nuôi cá rô phi/điều hồng bán thâm canh trong ao hồ (Quy mô: Áp dụng cho 1 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	1-2		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/ Điều hồng	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: ≥ 5 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

14. Nuôi ghép cá rô phi/ diêu hồng là chính trong ao/ hồ (Quy mô: Áp dụng cho 1 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	1-2		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá rô phi/ Diêu hồng $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.5	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		

15. Nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao /hồ (Quy mô: Áp dụng cho 01 ha)**a) Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1-2 cán bộ

b) Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	1-2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	1-2		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
4	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	2-3		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

c) Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1.2	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

d) Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày/lần	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN/MH	1		
	Hội nghị tổng kết	HN	1		